

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-YT
V/v đơn đốc tiến độ cập nhật
hồ sơ sức khỏe điện tử

Long Biên, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Phòng Y tế;
- Phòng Giáo dục & Đào tạo;
- Trung tâm Y tế quận;
- Công an quận;
- Ủy ban nhân dân các phường.

Thực hiện Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 17/11/2021 về thực hiện quản lý sức khỏe cho người dân trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 13/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thí điểm lập Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn thành phố Hà Nội. UBND quận Long Biên đã ban hành Kế hoạch số 461/KH-UBND ngày 06/12/2023 về việc triển khai thí điểm lập Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn quận Long Biên.

Thời gian qua, UBND các phường và các ban, ngành, đoàn thể của quận đã quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác lập Hồ sơ sức khỏe điện tử cho nhân dân trên địa bàn. Đến ngày 20/8/2024 đã có: 339.516/351.441 người được lập Hồ sơ sức khỏe điện tử (96,6%), cập nhật 48.585/83.067 hồ sơ khám sức khỏe học sinh lên Hệ thống (58,49%). Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa đạt, cụ thể:

- Số nhân khẩu thiếu thông tin Căn cước công dân: 71.627 người (chiếm 20,39%); trong đó phường thiếu nhiều nhất là: Giang Biên (33,82%), Bồ Đề (28,72%), Long Biên (27,14%), Ngọc Thụy (25,33%), Gia Thụy (24,2%).

- Số hộ gia đình được lập Hồ sơ: 4.325/88.128 hộ (đạt 4,9%); trong đó: phường Cự Khối đạt 100%, 13/14 phường còn lại đạt dưới 10%.

Để đảm bảo tiến độ cập nhật, làm giàu dữ liệu và liên thông kết quả khám chữa bệnh lên Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử của Thành phố, UBND quận yêu cầu các phòng, ngành liên quan và UBND các phường tiếp tục thực hiện một số nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân các phường

- Tăng cường tuyên truyền cho người dân, các hộ gia đình hiểu và chủ động cung cấp thông tin (hộ gia đình, số căn cước công dân, mã định danh điện tử) để Trạm Y tế cập nhật vào Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố.

- Chỉ đạo Công an phường và các ban, ngành, đoàn thể, các tổ dân phố phối hợp rà soát, cung cấp thông tin của các trường hợp còn thiếu để Trạm Y tế cập nhật, chuẩn hóa, làm giàu dữ liệu trên Hệ thống.

2. Công an quận

Chỉ đạo các bộ phận liên quan và Công an các phường phối hợp rà soát, cung cấp thông tin (hộ gia đình, căn cước công dân, mã định danh điện tử) của các trường hợp còn thiếu để cập nhật Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố.

3. Phòng Giáo dục & Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong và ngoài công lập phối hợp với Trạm Y tế các phường tiếp tục cập nhật, chuẩn hóa thông tin, làm giàu dữ liệu và bổ sung thông tin sức khỏe của học sinh vào Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử theo quy định.

4. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế quận

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trong và ngoài công lập tiếp tục liên thông dữ liệu khám chữa bệnh lên Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố.

- Chỉ đạo Trạm Y tế các phường phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đẩy nhanh tiến độ cập nhật, chuẩn hóa thông tin, làm giàu dữ liệu vào Hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử theo quy định.

UBND quận yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung trên và báo cáo kết quả thực hiện hàng tuần về UBND quận (qua TTYT quận) để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hà Nội;
- Đ/c Chủ tịch UBND quận; | (để báo cáo)
- Như kính gửi;
- BQLDA đầu tư xây dựng, | (để thực hiện)
- VP UBND quận;
- Lưu: VT, YT (03).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Hằng

BIỂU TIẾN ĐỘ**Kết quả Hồ sơ sức khỏe điện tử đến ngày 20/8/2024***(Kèm theo Công văn số /UBND-YT ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên)*

STT	Đơn vị (Phường)	Dân số trung bình năm 2023	Tổng nhân khẩu có HSSK	Tỷ lệ nhân khẩu có HSSK/Dân số TB	Hộ gia đình			Hồ sơ còn thiếu Căn cước công dân	
					Số HGĐ năm 2023	Số HGĐ được lập Hồ sơ	Tỷ lệ HGĐ được lập Hồ sơ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Ngọc Thụy	40.733	38.065	93,5	10095	0	0	10268	25,33
2	Bồ Đề	33.719	32.062	95,1	8496	335	3,94	9438	28,72
3	Thượng Thanh	32.425	30.840	95,1	8280	0	0	6690	20,94
4	Thạch Bàn	29.246	27.389	93,7	7685	8	0,10	5464	18,74
5	Đức Giang	29.350	29.342	100,0	7172	4	0,06	2848	9,71
6	Giang Biên	27.819	28.575	102,7	6990	432	6,18	9745	33,82
7	Ngọc Lâm	26.282	24.269	92,3	6410	4	0,06	5723	22,07
8	Long Biên	23.840	23.336	97,9	6064	65	1,07	6412	27,14
9	Việt Hưng	24.081	23.987	99,6	5978	567	9,48	3301	13,87
10	Phúc Lợi	22.531	21.478	95,3	5540	104	1,88	2605	11,56
11	Sài Đồng	17.882	17.908	100,1	4409	0	0	2411	13,11
12	Phúc Đồng	16.509	16.309	98,8	4420	0	0	2610	15,84
13	Gia Thụy	16.174	15.584	96,4	3783	0	0	3894	24,20
14	Cự Khối	10.850	10.372	95,6	2806	2806	100	218	1,85
Tổng số		351.441	339.516	96,6	88.128	4.325	4,9	71.627	20,39

